

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/DS-ST
Ngày 27-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng
hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tôn.
2. Ông Nguyễn Đình Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng mua hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình C, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn A1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C1; địa chỉ: Khu phố M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thúy H; địa chỉ: Khu phố M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Đình C là nguyên đơn trình bày: Năm 2011 vợ chồng ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị Thúy H có đến đại lý bán thức ăn gia súc của ông mua thức ăn cho vịt, thỏa thuận miệng thanh toán theo từng đợt, mua theo hình thức nợ gởi đầu. Mỗi lần mua bán đại lý xuất hóa đơn cho vợ chồng ông C1 ghi rõ số lượng mua, tiền đã thanh toán và tiền còn nợ và có sổ để theo dõi. Ngày 25/5/2019, hai

bên đối chiếu sổ và ông C1 đã ký xác nhận nợ số tiền 136.500.000 đồng hẹn sẽ thanh toán vào vụ mùa nhưng từ đó đến nay ông C1 không thực hiện theo cam kết mặc dù ông đã đến đòi nợ nhiều lần. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị Thúy H trả cho ông số tiền 136.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày đối chiếu nợ 25/5/2019 cho đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thúy H trình bày: Bà không biết chính xác số tiền mà chồng bà ông Nguyễn Văn C1 mua thức ăn cho vịt của đại lý ông Lê Đình C là bao nhiêu. Ông C1 đã giao 01 đàn vịt cho ông C để cấn nợ. Ông C1 đã đi làm ăn xa không cư trú tại địa phương. Nay ông C yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 136.500.000 đồng thì bà hẹn khi nào ông C1 làm có tiền thì sẽ trả nợ dần.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Ông Lê Đình C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị Thúy H trả nợ mua thức ăn chăn nuôi nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù bà H cho rằng ông C1 làm ăn xa không có mặt tại địa phương nhưng bà H là vợ, vẫn sinh sống tại thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn C1 vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông C1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông C, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý cho ông C1 cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Ông C1 không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của ông C, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện có đủ căn cứ xác định:

[4] Hợp đồng mua bán thức ăn cho vịt chỉ thỏa thuận miệng nhưng ngày 25/5/2019 ông Nguyễn Văn C1 đã ký xác nhận còn nợ của ông Lê Đình C số tiền 136.500.000 đồng, hẹn mùa trả đủ. Bà Lê Thị Thúy H cũng thừa nhận vợ chồng bà có mua thức ăn của ông C mặc dù bà không biết số tiền mua là bao nhiêu nhưng vẫn xác định việc mua bán là có thật. Việc mua bán để phục vụ cho cuộc sống gia đình nên vợ chồng phải có nghĩa vụ liên đới theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 440 Bộ luật dân sự buộc vợ chồng ông C1, bà H trả cho ông C số tiền 136.500.000 đồng.

[5] Ông C yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 25/5/2019 AL. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng ông C1, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/5/2019 AL tương ứng ngày 27/6/2019 do đó phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự là $10\%/năm \times 136.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 3 \text{ năm} = 40.950.000 \text{ đồng}$.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C1, bà H phải chịu $177.450.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.872.500 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của ông C được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị Thúy H trả cho ông Lê Đình C số tiền 177.450.000 (một trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, trong đó 136.500.000 (một trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn) đồng tiền gốc và 40.950.000 (bốn mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn C1, bà Lê Thị Thúy H phải chịu 8.872.500 (tám triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên